

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán thu, chi Quỹ phát triển đất tỉnh Tây Ninh năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 28/2012/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2012 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Ban hành Điều lệ về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh Tây Ninh sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 28/2012/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2012 của UBND tỉnh Tây Ninh;

Xét đề nghị của Giám đốc Quỹ phát triển đất tỉnh tại Tờ trình số 01/TTr-QPTĐ, ngày 14/01/2019; Ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 71/STC-QLNS ngày 08/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán thu, chi Quỹ phát triển đất tỉnh Tây Ninh năm 2019 với những nội dung như sau:

I. Dự toán nguồn ngân sách bổ sung cho Quỹ phát triển đất năm 2019

1. Nguồn ngân sách cấp bổ sung Quỹ:

- | | |
|-------------------------------|---------------------|
| - Thực hiện đến hết năm 2018: | 636.433 triệu đồng. |
| - Dự toán năm 2019: | 72.000 triệu đồng. |
| - Lũy kế đến cuối năm 2019: | 708.433 triệu đồng. |

2. Nguồn đã sử dụng:

- | | |
|--|---------------------|
| - Lũy kế vốn đã ứng đến hết năm 2018: | 74.405 triệu đồng. |
| - Dự kiến chi ứng vốn năm 2019: | 70.000 triệu đồng. |
| - Lũy kế chi đến hết năm 2019: | 144.405 triệu đồng. |
| 3. Nguồn vốn còn tồn tại quỹ đến 31/12/2019: | 564.028 triệu đồng. |

II. Dự toán thu, chi hoạt động Quỹ phát triển đất năm 2019

- | | |
|-------------------------|-----------------------|
| 1. Dự toán thu: | 16.674 triệu đồng. |
| 2. Dự toán chi: | 1.991,15 triệu đồng. |
| 3. Chênh lệch thu, chi: | 14.682,85 triệu đồng. |

(Biểu số 1 và số 2 kèm theo)

Điều 2. Giám đốc Quỹ phát triển đất tỉnh có trách nhiệm điều hành dự toán thu, chi Quỹ phát triển đất tỉnh Tây Ninh theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Quỹ phát triển đất; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *lg*

- Như Điều 3;
- CT, các PCT;
- CVP, PVP: Long, Nhung; CVK;
- Lưu: VT; Quỹ Phát triển đất.

02 V DU TOAN QUY DAT

10

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



gln
Dương Văn Thắng

DỰ TOÁN NGUỒN NGÂN SÁCH BỔ SUNG
QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT NĂM 2019
 (Kèm theo Quyết định số 277 /QĐ-UBND ngày 20/01/2019
 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	<u>Nguồn ngân sách bổ sung Quỹ</u>		
I	Các năm trước chuyển sang	636.433	
1	Nguồn ngân sách cấp tỉnh	380.598	
2	Nguồn ngân sách cấp huyện	255.835	
II	Dự toán bổ sung trong năm 2019	72.000	
1	Nguồn ngân sách cấp tỉnh	26.000	
2	Nguồn ngân sách cấp huyện	46.000	
III	Lũy kế đến cuối năm 2019	708.433	
1	Nguồn ngân sách cấp tỉnh (I.1+II.1)	406.598	
2	Nguồn ngân sách cấp huyện (I.2+II.2)	301.835	
B	<u>Nguồn đã sử dụng (Chi ứng vốn)</u>		
I	Các năm trước chuyển sang	74.405	
	Trong đó:		
1	Chi ứng vốn bồi thường giải phóng mặt bằng	74.405	
2	Chi ứng vốn cho các tổ chức	-	
II	Dự toán thực hiện ứng vốn năm 2019	70.000	
1	Chi ứng vốn bồi thường giải phóng mặt bằng	50.000	
2	Chi ứng vốn cho các tổ chức	20.000	
III	Lũy kế chi ứng vốn đến cuối năm 2019	144.405	
1	Chi ứng vốn bồi thường giải phóng mặt bằng	124.405	
2	Chi ứng vốn cho các tổ chức	20.000	
	...		
C	<u>Nguồn vốn còn tồn tại Quỹ (A.III – B.III)</u>	564.028	

DỰ TOÁN THU - CHI
QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán 2018	Thực hiện 2018	Dự toán 2019	Ghi chú
A	Dự toán thu	20.574,90	19.736,37	16.674,00	
1	Thu phí ứng vốn của các đơn vị, tổ chức				
2	Thu lãi tiền gửi	20.574,90	19.736,37	16.674,00	
3	Nguồn thu khác				
B	Dự toán chi	2.191,09	2.052,98	1.991,15	
I	Chi hoạt động thường xuyên bộ máy Quỹ	740,45	776,48	694,03	
1	Khoản công tác phí (văn thư)	2,40	2,40	2,40	
2	Hội nghị	30,00		60,00	
3	Văn phòng phẩm	16,20	16,20	16,20	
	- Chi văn phòng phẩm 90.000 đồng/người/tháng	16,20	16,20	16,20	
4	Thanh toán dịch vụ công cộng	80,00	72,16	80,00	
	Trong đó:				
	Điện, nước (tính 50%/hóa đơn tiền điện, nước của Quỹ ĐTPT)	50,00	43,26	50,00	
	Nhiên liệu (xăng đi công tác và phụ cấp xăng cho CB Quỹ)	30,00	28,91	30,00	
5	Trang phục	44,00	44,00	44,00	
	-HĐQL: 5 người * 2.000.000 đồng/người/năm	10,00	10,00	10,00	
	-BKS: 3 người * 2.000.000 đồng/người/năm	6,00	6,00	6,00	
	-CBVC : 14 người * 2.000.000 đồng/người/năm	28,00	28,00	28,00	
6	Chi khác (tiếp khách, khác)	45,00	43,36	45,00	
	Chi tiếp khách	35,00	35,36	35,00	
	Chi khác - (phí ck...)	10,00	8,00	10,00	
7	Chi phí ủy thác	522,85	598,36	446,43	
II	Phụ cấp kiêm nhiệm	261,89	226,44	303,42	
	-HĐQL: [(5 người * 7,83 * 1.390.000 * 6 tháng) + (5 người * 7,83 * 1.490.000 * 6 tháng)] * 30%	188,51		202,95	
	-BKS: [(3 người * 6,46 * 1.390.000 * 6 tháng) + (3 người * 6,46 * 1.490.000 * 6 tháng)] * 30%	73,38		100,47	
III	Chi đào tạo, bồi dưỡng NV, công tác phí cho CBVC	30,00		30,00	
IV	Chi mua sắm trang thiết bị, sửa chữa TSCĐ	80,00	13,48	80,00	
V	Chi sửa chữa CCLĐ và TSCĐ	20,00	19,77	20,00	
VI	Chi phí kiểm toán	30,00	30,00	30,00	
VII	Chi tăng thu nhập theo QĐ 28/2012/QĐ-UBND				
VIII	Thuế TNDN	1.028,75	986,82	833,70	
C	Chênh lệch thu, chi (A-B)	18.383,82	17.683,39	14.682,85	
	Thực hiện theo Điều 24 của QĐ 28/2012/QĐ-UBND ngày 24/6/2012. Quỹ trích các quỹ như sau:				
	- Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp 25%	4.595,95	4.420,85	3.670,71	
	- Chi tăng thu nhập theo QĐ 28/2012/QĐ-UBND	261,89	226,44	303,42	
	- Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi (3 tháng tiền lương)	130,95	113,22	151,71	
	- Quỹ ổn định sự nghiệp (Bổ sung vào nguồn vốn)	13.395,03	12.922,88	10.557,01	